

KINH 92. KIÊU MẠN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn<sup>2</sup>, đang sống tại đây, dòng họ cha mẹ đều thuần tịnh không một tỳ vết nào đáng bị chê trách;<sup>3</sup> bảy đời nối tiếp nhau, tất cả đều thuần tịnh; là bậc thầy của các Bà-la-môn. Ngôn luận thông suốt; điển tịch các luận, có hàng vạn tên, thấy đều biết rõ; hiểu pháp hơn thua, phân biệt<sup>4</sup> tự nghĩa,<sup>5</sup> ghi nhớ từng câu; tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; ông không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng. Khi ông nghe tin Sa-môn Cù-đàm đã từ nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ này, ông liền nghĩ: “Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm này. Nếu Sa-môn có nói gì, ta sẽ cùng Sa-môn bàn luận. Nếu không nói gì, ta sẽ im lặng ra về.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn đi xe ngựa trắng, với các thiếu niên Bà-la-môn theo hầu trước sau, cầm lọng cán vàng, tay ôm bình vàng, đến gặp Đức Thế Tôn. Khi tới cửa vườn, ông xuống xe đi bộ vào. Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho đại chúng vây quanh.<sup>6</sup> Thế Tôn không hề để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm không để ý đến ta.<sup>7</sup> Thôi ta nên về.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn, nên nói kệ rằng:

1. Pāli: S. 7. 35. Mānatthaddha. Cf. N<sup>o</sup>100(258).
2. Kiêu mạn Bà-la-môn 憍慢婆羅門. Pāli: Mānatthaddo nāma brāhmaṇo, người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha. N<sup>o</sup>100(258): Cực Mạn ma-nạp 極慢摩納.
3. Nghĩa là, thuần chủng, không lai giống.
4. Để bản: phân minh 分明; Tống-Nguyên-Minh: phân biệt 分別.
5. Để bản: chú cú cú ký thuyết 諸句句記說; sau chữ chú 諸, bản Nguyên Minh thêm: (chú) tự tất tri vạn sự cứu viễn, bản mạt nhân duyên (諸) 字悉知萬事九遠本末因緣. “...biết rõ căn nguyên chung thủy, lịch sử lâu dài của vạn sự...”
6. Bản Pāli và N<sup>o</sup>100(258) không có chi tiết này.
7. Pāli: nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānati, “Sa-môn Cù-đàm này chẳng biết gì.”

*Kiêu Mạn đã đến đây,  
Bất thiện lại tăng trưởng.  
Trước vì nghĩa mà đến,  
Hãy tăng trưởng nghĩa ấy.<sup>8</sup>*

Bây giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn lại nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.” Rồi ông sửa soạn hành lễ.<sup>9</sup> Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

“Thôi! Thôi! Không cần phải làm lễ. Tâm tịnh là đủ rồi!<sup>10</sup>”

Lúc ấy, mọi người đều lớn tiếng xưng rằng:

“Lạ thay! Thế Tôn, là Bậc Đại đức, Đại lực. Nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này, do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang; nên không kính trọng cha mẹ, các bậc tôn túc, sư trưởng, mà nay đối trước Sa-môn Cù-đàm lại khiêm hạ, hạ mình, muốn lễ sát chân Phật.”

Bà-la-môn Kiêu Mạn trước mọi người lớn tiếng bảo lạng, rồi nói kệ rằng:

*Thế nào<sup>11</sup> chẳng khởi mạn?  
Thế nào khởi cung kính?  
Thế nào khéo an ủi?  
Thế nào khéo cúng dường?*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đáp kệ rằng:

*Đối cha mẹ, huynh trưởng,  
Hòa thượng, các sư trưởng,  
Cùng các bậc tôn trọng,  
Không nên sanh kiêu mạn.  
Phải khéo lòng cung kính,  
Khiêm hạ và hỏi thăm,  
Tận tâm mà phụng sự,  
Cùng các việc cúng dường.*

<sup>8</sup>. Pāli: yena atthena āgacchi, tam evam anubrūhaye, “Ông hãy nói, đến đây với mục đích gì?”

<sup>9</sup>. Bản Pāli: Ông lễ dưới chân Phật và ôm hôn chân Phật.

<sup>10</sup>. Pāli: yato te mayi cittaṃ pasannaṃ, “Do đâu ông có tâm tịnh tín đối với Ta?”

<sup>11</sup>. Pāli: kesu, “đối với những ai”. Bản Hán hiểu “đối với cái gì?”

*A-la-hán lậu tận,  
Tâm lìa tham, nhuế, si,  
Chánh trí khéo giải thoát,  
Điều phục tâm kiêu mạn;  
Đổi các Hiền thánh này,  
Chấp tay cúi đầu lễ.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn Kiêu Mạn thuyết pháp bằng nhiều cách, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến hoan hỷ.<sup>12</sup> Đức Phật nói pháp theo tuần tự, nói về bố thí, trì giới, công đức sanh thiên, về vị ngọt, sự tai hại của ái dục, về sự phiền não, thanh tịnh, về xuất yếu viễn ly, về các phần thanh tịnh; nói rộng như vậy.<sup>13</sup> Như tấm vải trắng sạch, chưa bị nhuộm đen, thấm nhuộm màu nhanh chóng; Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ Bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chứng đắc hiện quán<sup>14</sup>. Bấy giờ Bà-la-môn Kiêu Mạn, thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, chứng nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, mà không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Nay, con có được phép ở trong chánh pháp, xuất gia thọ cụ túc chăng?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn:

“Nay, ông có thể ở trong chánh pháp xuất gia thọ cụ túc.”

Bà-la-môn kia liền xuất gia, một mình âm thầm tư duy về lý do người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, cho đến, đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

## M

---

<sup>12</sup>. Hán: thị, giáo, chiếu, hỷ.

<sup>13</sup>. Xem các kinh 1158, 1323. So sánh Pāli, định cú, D.i. 110 và rải rác: anupubbim katham kathesi... kāmānaṃ ādinavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ nekkhamme āsaṃsaṃ pakāsesi, Phật thuyết pháp theo tuần tự... nói về sự nguy hiểm của các dục, sự thấp hèn, sự ô nhiễm, nói về lợi ích của sự xuất ly.

<sup>14</sup>. Nguyên Hán: vô gián đẳng 無 間 等 ; chỉ hiện quán hay hiện chứng bốn Thánh đế, giai đoạn chứng đắc Dự lưu chi. Tham chiếu Pāli, định cú, S.v. tr. 415:... catunnaṃ ariyasaccānaṃ yathābhūtaṃ abhisamayāya.

## KINH 93. TAM HỎA<sup>15</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn Trường Thân tổ chức đại tế đàn<sup>16</sup> như vậy: đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, còn những con trâu cái, trâu con, những con dê tơ, cùng những sanh vật nhỏ bé khác cũng đều bị trói cột. Rồi sửa soạn các món đồ ăn thức uống để bố thí một cách rộng rãi. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập trung đến đại tế đàn này.

Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân<sup>17</sup> nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ này, thì tự nghĩ: “Nay, ta tổ chức đại tế đàn, đem bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến những sanh vật bé nhỏ khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi về pháp tế tự, chớ để cho các phần số<sup>18</sup> trong đại tế đàn mà ta tổ chức bị thiếu sót.” Suy nghĩ như vậy rồi, đi xe ngựa trắng, dẫn theo trước sau nhiều thiếu niên Bà-la-môn, cầm lọng cán vàng, ôm bình nước vàng, ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính thừa sự. Khi đến cổng tinh xá, ông xuống xe, đi bộ đến trước Phật. Sau khi chào hỏi xong, ông lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, nay tôi muốn tổ chức lễ hội lớn tế lễ, với bảy trăm con trâu đực sắp hàng cột vào trụ, cho đến các loài sanh vật nhỏ bé khác, tất cả đều bị trói cột. Các nhóm ngoại đạo khác nhau từ nhiều nước khác nhau đều tụ tập về dự đại tế đàn này. Nay, tôi lại

---

<sup>15</sup>. Pāli, A.vii.44 Aggi. Cf. N<sup>o</sup>100(259).

<sup>16</sup>. Nguyên Hán: tà thanh đại hội 邪盛大會; xem kinh 89 trên. Pāli: mahāyañña; xem thêm D. i. 138sq.

<sup>17</sup>. Trường Thân 長身. Pāli: Uggatasarīra.

<sup>18</sup>. Tà thanh pháp 邪盛法 (Pāli: tividham yaññasampadam), chỉ ba nghi thức tế tự. Phần số 分數, chỉ mười sáu tư cụ hay đạo cụ cho tế tự (Pāli: soḷasaparikkhāram). Tham chiếu Pāli, Kūṭadantasutta, D. i. 129.

nghe Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đã đến vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, nên tôi đến đây để thỉnh vấn Cù-đàm về pháp tế tự và phần số của các phẩm vật, không để cho các phần số trong đại tế đàn mà tôi tổ chức bị thiếu sót.”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Có một thứ đại tế đàn, tuy người chủ thực hành việc bố thí làm phước nhưng lại sanh ra tội, gặt hái quả báo bất thiện, bị đâm chém bởi ba thứ đao kiếm. Ba loại ấy là: đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiếm bởi ý.

“Thế nào là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ? Như có một người chủ tổ chức đại tế đàn, suy nghĩ: “Ta tổ chức đại hội tế tự, cần phải giết ngan ấy trâu đực mập mạnh, trâu cái, trâu con, dê tơ, cùng nhiều loài sanh vật nhỏ bé khác.” Đó gọi là đao kiếm bởi ý, sanh ra các quả báo khổ. Tuy người thí chủ có ý nghĩ là làm các việc bố thí và cúng dường như vậy, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Thế nào là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ? Có một người chủ tổ chức lễ hội lớn, bảo như vậy: “Nay, ta tổ chức lễ hội lớn tế lễ, các người phải giết ngan ấy trâu đực mập mạnh, cho đến ngan ấy sanh vật nhỏ bé khác.” Đó gọi là đao kiếm bởi miệng, sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn, tuy làm các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Thế nào là đao kiếm bởi thân, sanh ra các quả báo khổ? Có người chủ lễ hội lớn, tự tay mình giết trâu đực, cho đến giết hại các loài sanh vật bé nhỏ khác. Đó gọi là đao kiếm bởi thân sanh ra các quả báo khổ. Người chủ lễ hội lớn này, tuy nghĩ đến các việc bố thí, cúng dường, nhưng thật ra việc làm ấy sanh ra tội.

“Tuy nhiên, Bà-la-môn nào siêng năng tùy thời cúng dường ba thứ lửa, cung kính lễ bái, phụng sự, mang lại sự an lạc. Những gì là ba? Một là lửa căn bản, hai là lửa cư gia, ba là lửa phước điền.

“Thế nào là lửa căn bản, mà tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phước thiện có được tiền của, hay do sự cần cù khó nhọc chân tay mà có được như pháp, đem phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho họ được an lạc, đó gọi là lửa căn bản. Vì sao gọi là căn bản? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra, nên cha mẹ được gọi là căn bản. Người thiện nam vì tôn sùng căn bản nên

tùy thời cung kính, phụng sự, mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa gia cư, mà người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng, đem lại sự an lạc? Người thiện nam, nhờ phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy thời mà cung cấp, với lòng tôn trọng, đem lại sự hạnh phúc cho họ. Đó gọi là lửa cư gia. Vì sao gọi là gia? Vì người thiện nam sống đời tại gia, vui thì cùng vui, khổ thì cùng khổ, mọi sinh hoạt trong gia đình đều tùy thuận lệ thuộc vào nhau, cho nên gọi là gia. Vì vậy, người thiện nam nên tùy thời mà cung cấp và mang lại sự an lạc cho họ.

“Thế nào là lửa phước điền, mà người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng cúng dường, mang lại sự an lạc? Người thiện nam, phương tiện có được của cải, nhờ vào sự cần cù khổ cực của chân tay, có được như pháp, rồi đem phụng sự, cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã khéo điều phục tham, nhuế, si. Cúng dường những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy là kiến lập phước điền, càng lúc càng tăng tiến, hiện tại an vui được báo tốt, tương lai sẽ sanh về cõi trời. Đó gọi là lửa phước điền. Vì sao gọi là điền? Vì đó là đám ruộng phước của thế gian, là nơi đáng được cúng dường, cho nên gọi là điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường và mang lại sự an lạc cho họ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Căn bản và cư gia,  
Lửa ruộng phước xứng đáng;  
Luôn cúng dường lửa này,  
Vui an ổn sung túc.  
Cõi đời vui, không tội,  
Người tuệ sanh về đó,  
Của như pháp mở hội,  
Cúng dường nơi đáng cúng;  
Vì cúng dường đúng chỗ,  
Nên tiếng thơm, sanh Thiên.*

“Nhưng, này Bà-la-môn, người thiện nam, nay đối với với ba thứ

lửa mà trước kia đã từng cúng dường, hãy đoạn trừ, dập tắt. Những gì là ba? Lửa tham dục, lửa sân hận, lửa ngu si. Vì sao? Vì lửa tham mà không được đoạn trừ, không bị dập tắt, thì sẽ tự mình hại mình, hại người; mình người đều bị hại; hiện tại mắc tội, đời sau mắc tội, hiện tại và đời sau đều mắc tội. Vì duyên vào những tội này nên sanh ra tâm pháp buồn lo, khổ não. Đối với lửa sân, lửa si cũng lại như vậy.

“Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam phụng thờ thứ lửa do nhóm củi, thường xuyên phải khổ nhục, thường xuyên phải nhen nhóm, thường xuyên lửa tắt; vì những nhân duyên này mà chịu khổ.”

Bấy giờ, Trưởng Thân Bà-la-môn, ngồi im lặng. Lúc ấy, có người con của Bà-la-môn tên là Uất-đa-la đang ngồi trong hội. Trưởng Thân Bà-la-môn sau khi im lặng và suy giây lát, rồi bảo Uất-đa-la:

“Con trở về chỗ lễ hội tế lễ, hãy thả những con trâu bị cột nơi trụ; cùng những sanh vật đã bị trói cột, tất cả đều thả ra hết và nói lại với chúng rằng: “Trưởng Thân Bà-la-môn cho phép các người tùy ý tự tại nơi núi đồi, đầm ao, đồng hoang... mặc sức ăn cỏ tươi, uống các dòng nước trong, gió mát bốn bề, hưởng thụ mọi sự khoái lạc.”

Uất-đa-la bạch rằng:

“Con xin vâng theo lời thầy dạy.”

Uất-đa-la liền đi đến chỗ lễ hội tế lễ, thả hết mọi sanh vật và nói với chúng rằng: “Trưởng Thân Bà-la-môn đã cho phép các người tùy theo sở thích đối với núi đồi, đầm ao, đồng hoang... ăn cỏ, uống nước, gió mát bốn bề, tự theo ý thích.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết Uất-đa-la đã hoàn thành công việc xong, liền nói pháp cho Bà-la-môn Trưởng Thân, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, như cách thuyết pháp của các Đức Thế Tôn, theo thứ tự trước sau nói về việc trì giới, bố thí và công đức sanh lên cõi trời; về vị ngọt và sự tai hại của ái dục, về sự thanh tịnh của xuất ly, về sự thanh tịnh các phiền não<sup>19</sup>; khai thị, tỏ bày. Giống như tấm lụa trắng sạch để thấm màu nhuộm, Trưởng Thân Bà-la-môn lại cũng như vậy, ngay nơi chỗ ngồi thấy được Bốn chân đế, chứng đắc hiện quán.<sup>20</sup> Khi Trưởng Thân Bà-la-môn tự thân đã thấy pháp, đắc pháp, thâm nhập

---

<sup>19</sup>. Xem cht. 31 kinh 92 trên.

<sup>20</sup>. Xem cht. 32 kinh 92 trên.

pháp, vượt qua khỏi những nghi hoặc, không do người khác độ thoát, ở trong chánh pháp đạt được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai hữu, chắp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, bạch Thế Tôn. Con, từ ngày hôm nay cho đến suốt đời, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Ngưỡng mong Ngài chứng tri cho con. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn và đại chúng nhận bữa ăn con cúng dường.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Phật đã nhận lời mời, làm lễ Phật, đi vòng bên hữu ba lần rồi lui. Trường Thân Bà-la-môn trở về lại chỗ tế lễ, sửa soạn đồ vật cúng dường thanh khiết, ngon lành và bố trí giường ghế, chỗ ngồi xong, sai người đến thỉnh Phật:

“Bạch Ngài đã đến giờ, xin Ngài biết cho!”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng theo sau, đi đến chỗ lễ hội của Trường Thân Bà-la-môn. Ngài ngồi trước đại chúng. Khi Trường Thân Bà-la-môn biết Đức Thế Tôn đã ngồi an định rồi, tự tay dâng cúng các thứ đồ ăn thức uống. Khi Đức Phật và đại chúng ăn xong; rửa tay, rửa bát xong, ông ngồi riêng ngay ngắn trên một chiếc ghế thấp đặt trước đại chúng để nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Trường Thân Bà-la-môn mà nói pháp bằng nhiều cách, chỉ dạy, soi sáng, làm cho an vui, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.